TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 293/2022/DS-PT Ngày 29 - 11 - 2022 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong;

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 5/6 N, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: số 44/5 A L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh L_1, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số 37 N, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Văn Công N, sinh năm

1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 9/14 H, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Minh L_1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Kim L cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Công T thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Kim L có cho bà Nguyễn Thị Minh L_1 vay tiền nhiều lần tổng cộng 250.000.000 đồng, các lần cụ thể như sau:

Ngày 17/4/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 21/6/2019 vay số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 27/8/2019 vay số tiền 90.000.000 đồng.

Khi vay có thỏa thuận lãi suất đóng hàng tháng, khi nào cần tiền bà L đòi thì bà L_1 sẽ trả.

Tuy nhiên, từ thời gian vay đến nay, bà L_1 không đóng lãi, khi bà L yêu cầu trả nợ gốc thì bà L_1 né tránh không trả nợ.

Do đó, nay bà L khởi kiện buộc bà L_1 trả cho bà L số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ thời điểm vay đến khi Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh L_1 trình bày:* Bà hoàn toàn không biết mặt bà Kim L, chưa từng mượn tiền của bà Kim L. Giấy mượn tiền đúng là chữ ký, chữ viết của bà nhưng bà đã bị mất giấy này đã lâu (do thất lạc). Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Hiện tại bà không có thiếu tiền bà L nhưng có thiếu tiền ông Văn Công N, số tài khoản 098019636940001. Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), số điện thoại 0901248678. Hàng tháng bà có đóng lãi và đang trả vốn hàng tháng cho ông N bằng số tài khoản 098019636940001, tổng số tiền 78.000.000 đồng. Trước đó đóng lời bằng tiền mặt mỗi tháng 12.500.000 đồng tiền lời (5%/tháng). Tổng cộng số tiền lời 86.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã trả cho ông Văn Công N tiền vốn và lãi là 164.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Công N trình bày*: ông không biết và không liên quan gì đến việc bà Nguyễn Thị Minh L_1 vay mượn tiền của bà Nguyễn Kim L. Bà L_1 có khai với Tòa là có chuyển tiền vào tài khoản của ông, nhưng việc chuyển tiền đó là việc làm ăn giữa ông và bà L_1.

Việc vay mượn tiền giữa bà L và bà L_1 không liên quan gì đến việc bà L_1 chuyển tiền cho ông, không liên quan gì đến nhau. Ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố M, đã áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Minh L_1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim L 250.000.000 đồng tiền vốn và 72.625.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 322.625.000 (*ba trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 29/8/2022, bị đơn Nguyễn Thị Minh L_1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 23 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vấn đề sau: Đồng ý toàn bộ số nợ vốn gốc và tiền lãi, xin trả dần phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị đơn bà Nguyễn thị Minh L_1 trình bày yêu cầu kháng cáo xin trả 150.000.000 đồng nếu trả ngay, nếu trả vốn lãi theo án sơ thẩm bà xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L_1, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L_1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các biên nhận mượn tiền đề ngày 17/4/2019, ngày 02/5/2019, ngày 21/6/2019, ngày 27/8/2019, do bà L cung cấp có chữ viết, chữ ký bà L_1 có đủ cơ sở xác định giữa bà L và bà L_1 đã xác lập 04 hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Theo 04 hợp đồng do bà L cung cấp thì giữa bà L và bà L_1 khi vay tiền không có thoả thuận về lãi suất và thời hạn vay tiền; tuy nhiên theo bà L trình bày thì lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng và khi nào cần lấy lại tiền vốn, bà L thông báo thì bà L_1 sẽ trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà L_1 cho rằng không quen biết bà L, chưa từng nhận tiền của bà L. Tuy nhiên, bà L_1 thừa nhận chữ viết chữ ký trong các biên nhận do nguyên đơn cung cấp là của mình, nhưng cho rằng các giấy nợ này đã thất lạc rất lâu. Bà L_1 một mực không thừa nhận có vay tiền của bà L, nhưng cho rằng có vay tiền của ông Văn Công N, bà chỉ giao dịch với ông N, khi vay tiền ông N đề nghị bà viết biên nhận như vậy nên bà viết theo, hàng tháng có trả lãi và gốc qua tài khoản ngân hàng cho ông N.

Xét thấy, bà L_1 thừa nhận chữ viết chữ ký trong các biên nhận nợ là của mình, nhưng khai không vay tiền của bà L, không biết mặt bà L là mâu thuẫn, không phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và mâu thuẫn với chính lời thừa nhận của mình. Bởi trong các biên nhận đều ghi rất rõ nội dung "*có vay của chị Nguyễn Kim L*" số tiền cụ thể. Do đó, căn cứ vào các biên nhận mượn tiền đề ngày 17/4/2019, ngày 02/5/2019, ngày 21/6/2019, ngày 27/8/2019, lời thừa nhận của bị đơn về chữ ký, chữ viết của mình trong các biên nhận. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc trả 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm Cụ thể số tiền lãi là: 250.000.000 đồng × 0.83%/tháng × 35 tháng = 72.625.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L_1 đồng ý trả cho bà L số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của bà L nhưng bà yêu cầu được trả nhiều lần mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng hoặc được trả một lần với số tiền 150.000.000 đồng nhưng không được đại diện ủy quyền của phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ cho Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng

cáo của bà L_1, việc bà cho rằng đã trả cho anh Văn Công N 103.000.000 đồng để xin trả dần cũng không là căn cứ xem xét trong vụ kiện này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L_1, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh L_1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L_1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Minh L_1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim L 250.000.000 đồng tiền vốn và 72.625.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 322.625.000 (*ba trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh L_1 phải chịu 16.131.000 (*mười sáu triệu một trăm ba mươi mốt ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số

0022569 ngày 29/8/2022 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Đăng cổng TTĐT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong